TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/DS-ST
Ngày: 20-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thế chấp tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Thành

2. Ông Nguyễn Văn Thắm

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà*:** Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2019/TLST-DS ngày 01/7/2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thế chấp tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-DS ngày 15/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 16 ngày 31/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Địa chỉ: Số 198 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân Thành- Chủ tịch Hội đồng quản trị.

+Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Thêu- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Hải Dương.

+ Người đại diện theo ủy quyền của bà Thêu: Ông Vũ Trọng H- Phó trưởng phòng phụ trách phòng giao dịch huyện H; có mặt

2. *Bị đơn*:

- Bà Đặng Phương N, sinh năm 1973; (Có đơn xin xử vắng mặt)

- Ông Phạm Xuân D, sinh năm 1972; (vắng mặt)

Đều cư trú tại: Đội 1 thôn C, xã T, Thanh H, Hải Dương.

NỘI DNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện, theo lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, vụ án có nội Dng như sau:

Ngày 14/7/2015, bà Đặng Phương N cùng chồng là ông Phạm Xuân D đã ký hợp đồng cho vay bán lẻ số 15077/PGD.TH với Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương- Chi nhánh Hải Dương-Phòng giao dịch huyện Thanh Hà (sau đây viết tắt là Vietcombank). Nội dung của Hợp đồng như sau: Ông D và bà N vay của Vietcombank số tiền là 350.000.000đ; thời gian vay 12 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên; lãi xuất vay 8,5%/năm và được cố định suốt trong thời gian cho vay; lãi phạt nợ gốc quá hạn là 140% lãi xuất cho vay trong hạn; phương thức trả nợ gốc là cuối kỳ, trả nợ lãi 01 tháng/1 lần, thời hạn trả lãi là 07 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng.

Tài sản thế chấp cho khoản vay trên là Quyền sử dụng đất số X512114 cấp ngày 08/12/2003 đứng tên bà N, ông D và toàn bộ tài sản trên đất này, theo hợp đồng thế chấp số 14053.TC/PGD.TH ngày 10/7/2014 được ký kết giữa Vietcombank và ông D, bà N. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thanh Hà ngày 11/7/2014.

Ngày 14/7/2015, Vietcombank đã giải ngân số tiền 350.000.000đ cho bà N và ông D. Tuy nhiên tính đến hết ngày 20/11/2019, vợ chồng ông D, bà N mới trả được 82.300.000đ nợ gốc và trả lãi đến hết ngày 25/7/2016. Như vậy hiện nay vợ chồng ông D, bà N còn nợ Ngân hàng 267.700.000đ nợ gốc và nợ lãi tính đến hết ngày 20/11/2019 là: Lãi trong hạn 94.752.239đ và lãi quá hạn là 38.178.506đ. Do vậy nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số nợ gốc lãi còn lại. Nếu ông D, bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Vietcombank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp nêu trên. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của ông D bà N để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

* Bị đơn là ông D trình bày và nhất trí toàn bộ lời khai của nguyên đơn về hợp đồng vay, nội dung hợp đồng vay, hợp đồng thế chấp tài sản, thời gian nhận tiền vay, số tiền đã trả nợ gốc, lãi như đã nêu trên. Toàn bộ tài sản thế chấp là thuộc quyền sử dụng, sở hữu của vợ chồng ông, không liên quan đến ai khác. Từ

khi thế chấp các tài sản này để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng đến nay, không có sự biến động nào về tài sản. Trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSD đất) có ghi 19m2 đất vườn, ông không biết nội dung này là như thế nào, đề nghị Tòa án xác minh giúp ông. Tuy nhiên ông chắc chắn 19m2 đó không phải trừ tiêu chuẩn của bố đẻ và vợ con ông vì vợ ông không phải quê gốc ở xã T, các con ông đều sinh sau thời điểm nhà nước chia đất nông nghiệp, còn bố ông lại chết trước thời điểm chia đất nông nghiệp. Sau khi nhận tiền vay của Ngân hàng vợ chồng ông đã sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc mua sắm đồ dùng sinh hoạt trong gia đình và lo học hành cho con cái.

Do hoàn cảnh kinh tế gia đình ông đang gặp khó khăn nên ông đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng ông trả dần theo lộ trình như sau: 4 tháng đầu kể từ ngày 15/7/2019, mỗi tháng vợ chồng ông sẽ trả Ngân hàng 30 triệu đồng; tháng thứ năm tiếp theo sẽ trả nốt toàn bộ số tiền còn lại. Ông đề nghị Ngân hàng miễn tiền lãi phạt quá hạn cho vợ chồng ông.

* Bị đơn là bà N trình bày nhất trí toàn bộ lời khai của nguyên đơn và lời khai của ông D như đã nêu trên.

* Tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Tài sản thế chấp là thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của ông D, bà N. 19m2 đất vườn ghi trong GCNQSD đất nêu trên là trừ tiêu chuẩn ngoài đồng của ông D, ngoài ra không trừ của ai khác. Diện tích thửa đất 109, tờ bản đồ số 10 theo kết quả đo thẩm định hiện trạng có tăng so với GCNQSD đất là do sai số đo đạc, gia đình chị N không lấn chiếm đất công cũng như không lấn chiếm đất của ai.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn trình bày và giữ nguyên quan điểm, ý kiến như đã nêu trên.

- Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 116, 117, 275, 280, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 357, 463, 466, 468, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Quyết định 1627 ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng

Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Buộc ông Phạm Xuân D và bà Đặng Phương N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam số tiền nợ gốc là 267.700.000đ và tiền lãi tính đến hết hết ngày 20/11/2019 là: Lãi trong hạn là 94.752.239đ và lãi quá hạn là 38.178.506đ. Ông D, bà N còn phải tiếp tục trả lãi kể từ ngày 21/11/2019 theo lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay bán lẻ số 15077/PGD.TH ngày 14/7/2015 trên số nợ gốc còn lại cho đến khi thực trả hết nợ gốc. Trường hợp Ông D, bà N không trả được hoặc không trả hết nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa 109, tờ bản đồ số 10, theo GCNQSD đất số X512114 cấp ngày 08/12/2003 (địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương) và toàn bộ tài sản trên đất để thu hồi nợ theo quy định. Trường hợp sau khi phát mại tài sản vẫn không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bị đơn thì ông D, bà N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Về án phí: Ông D, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam 10.300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn là bà N vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là ông D đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền theo hợp đồng vay tài sản, ngoài ra nguyên đơn còn yêu cầu được xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp. Do đó, Tòa án xác định quan hệ của vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thế chấp tài sản.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc và lãi:

- Theo Hợp đồng cho vay bán lẻ số 15077/PGD.TH ngày 14/7/2015 thì vợ chồng ông D, bà N vay của Vietcombank số tiền là 350.000.000đ. Hai bên thỏa thuận thời gian vay 12 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên; lãi suất vay 8,5%/năm và được cố định suốt trong thời gian cho vay; lãi phạt nợ gốc quá hạn là 140% lãi xuất cho vay trong hạn; phương thức trả nợ gốc là cuối kỳ, trả nợ lãi 01 tháng/1 lần, thời hạn trả lãi là 07 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng. Cùng ngày 14/7/2015, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 350.000.000đ cho vợ chồng ông D,

bà N vay. Khi thực hiện hợp đồng, phía bị đơn đã thanh toán một phần nợ gốc và một phần lãi; sau đó dù đã hết thời hạn vay của hợp đồng, bị đơn vẫn không thanh toán toàn bộ số nợ gốc lãi còn lại cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán ghi trong hợp đồng vay tài sản. Nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Tính đến hết ngày 20/11/2019, vợ chồng ông D, bà N mới trả được 82.300.000đ nợ gốc và trả lãi đến hết ngày 25/7/2016. Nay Ngân hàng yêu cầu ông D, bà N phải trả cho Ngân hàng 267.700.000đ nợ gốc và nợ lãi tính đến hết ngày 20/11/2019 là: Lãi trong hạn 94.752.239đ và lãi quá hạn là 38.178.506đ; bị đơn ý kiến nhất trí với số nợ gốc lãi mà Ngân hàng yêu cầu. Do đó, cần buộc ông D, bà N phải thanh toán toàn bộ số nợ còn lại theo yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Liên quan đến hợp đồng thế chấp tài sản và đề nghị được phát mại tài sản thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của bị đơn:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định toàn bộ tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng hoặc sở hữu hợp pháp của ông D, bà N. Hợp đồng thế chấp đảm bảo đúng trình tự, thủ tục luật định, đã đăng ký giao dịch bảo đảm. Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay nêu trên là Quyền sử dụng đất tại thửa số 109, tờ bản đồ số 10, đã được cấp GCNQSD đất số X512114 cấp ngày 08/12/2003 đứng tên bà N, ông D và toàn bộ tài sản trên đất này. So với GCNQSD đất, diện tích đo thẩm định hiện trạng thửa 109 có biến động tăng. Theo chính quyền địa phương cung cấp nguyên nhân biến động tăng diện tích như vậy là do sai số đo đạc, gia đình chị N không lấn chiếm đất công cũng như không lấn chiếm đất của ai, do vậy việc tăng diện tích này không làm ảnh hưởng tới hiệu lực của hợp đồng thế chấp. Vì vậy Tòa án xem xét chấp nhận cho phép trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại đối với phần tài sản thế chấp của ông D, bà N.

[5] Đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn đề nghị cho phép Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của ông D bà N nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ.

Xét nội dung này của nguyên đơn không được thỏa thuận trong hợp đồng vay tài sản cũng như hợp đồng thế chấp; mặt khác sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, quyền yêu cầu thi hành án là quyền của người được thi hành án, trình tự thủ tục được thực hiện theo Luật thi hành án dân sự, và cơ quan Thi hành án dân sự là cơ quan có thẩm quyền xem xét yêu cầu này của Ngân hàng. Do vậy tại bản án này, Tòa án chỉ tuyên chung nhất về quyền yêu cầu thi hành án của Ngân hàng mà không quyết định cụ thể nguyên đơn được quyền xử lý tài sản nào

của bị đơn trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ.

[6] Về chi phí thẩm định: Nguyên đơn đã tạm ứng và tự nguyện chịu cả chi phí này, không đề nghị Tòa án xem xét về chi phí thẩm định, được Tòa án chấp nhận.

[7] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 116, 117, 275, 280, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 357, 463, 466, 468, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Quyết định 1627 ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Buộc ông Phạm Xuân D và bà Đặng Phương N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam số tiền nợ gốc là 267.700.000đ và tiền lãi tính đến ngày 20/11/2019 là 132.930.745đ (trong đó lãi trong hạn là 94.752.239đ và lãi quá hạn là 38.178.506đ). Tổng khoản nợ phải thanh toán = 400.630.745đ (bốn trăm triệu sáu trăm ba mươi nghìn bảy trăm bốn mươi lăm đồng).

Ông D, bà N còn phải tiếp tục trả lãi kể từ ngày 21/11/2019 theo lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay bán lẻ số 15077/PGD.TH ngày 14/7/2015 trên số nợ gốc còn lại cho đến khi thực trả hết nợ gốc.

- Trường hợp Ông D, bà N không trả được hoặc không trả hết nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa 109, tờ bản đồ số 10, theo GCNQSD đất số X512114 cấp ngày 08/12/2003 (địa chỉ

thửa đất: Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương) và toàn bộ tài sản trên đất này để thu hồi nợ theo quy định.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản vẫn không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bị đơn thì ông D, bà N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

2. Về án phí: Ông D, bà N phải chịu 20.025.200đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam 10.300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2017/0005561 ngày 01/7/2019

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Thị Nhung

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG

Số: 27/2019/QĐ-SCBSBA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hà, ngày 05 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét thấy cần sửa chữa, bổ sung bản án do có sự nhầm lẫn, sai sót trong bản án số 18/2019/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 17/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thế chấp tài sản", giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Địa chỉ: Số 198 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân Thành- Chủ tịch Hội đồng quản trị.

+ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thêu- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Hải Dương.

+ Người đại diện theo ủy quyền của bà Thêu: Ông Vũ Trọng H- Phó trưởng phòng phụ trách phòng giao dịch huyện H.

2. Bị đơn: Bà Đặng Phương N, sinh năm 1973 và ông Phạm Xuân D, sinh năm 1972.

Đều cư trú tại: Đội 1 thôn C,xã T, huyện H, Hải Dương.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 18/2019/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương như sau:

- Tại dòng thứ 18 từ dưới lên, trang 3 của bản án đã ghi: " *thửa đất 109*"
- Tại dòng thứ 11 từ trên xuống, trang 4; và dòng thứ 1-2 từ trên xuống trang 7 của bản án đã ghi: " *thửa 109*"
- Tại dòng thứ 21 từ trên xuống, trang 5 của bản án đã ghi: " *thửa số 109*"

Nay đều được sửa chữa, bổ sung như sau: " *Thửa 199*".

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhung